|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |

**BẢN THUYẾT MINH CHI TIẾT**

**DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ, BẢO VỆ**

**DI SẢN VĂN HÓA VÀ THIÊN NHIÊN THẾ GIỚI Ở VIỆT NAM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH** | **GIẢI TRÌNH** |
|  | **Chương I**  **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG** | Chương này gồm 03 điều, từ Điều 1 đến Điều 3, quy định những vấn đề có tính nguyên tắc chung, bao gồm: phạm vi điều chỉnh của Nghị định; đối tượng áp dụng của Nghị định; giải thích những khái niệm chính về di sản thế giới, giá trị nổi bật toàn cầu, tính toàn vẹn, tính xác thực của di sản thế giới, khu vực di sản thế giới và vùng đệm của khu vực di sản thế giới. |
| 1 | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Nghị định này quy định về quản lý và bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc quản lý và bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam. | Quy định phạm vi điều chỉnh của Nghị định. |
| 2 | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài có hoạt động trực tiếp hoặc liên quan đến quản lý và bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam. | Quy định đối tượng áp dụng của Nghị định. |
| 3 | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  1. *Giá trị nổi bật toàn cầu* là sự biểu hiện những ý nghĩa văn hóa và thiên nhiên đặc biệt, có tầm quan trọng quốc gia và quốc tế đối với các thế hệ hiện tại và tương lai của di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới.  2. *Tính toàn vẹn của di sản thế giới* là thước đo của tính tổng thể và nguyên vẹn của di sản thế giới, bao gồm: các yếu tố cần thiết để biểu đạt giá trị nổi bật toàn cầu của di sản thế giới, có quy mô phù hợp để bảo đảm các đặc điểm và ý nghĩa của di sản thế giới được thể hiện một cách đầy đủ, hạn chế được những tác động tiêu cực của sự phát triển.  3. *Tính xác thực của di sản thế giới* là sự biểu hiện một cách trung thực và đáng tin cậy của yếu tố gốc tạo nên giá trị về văn hóa thông qua hàng loạt các thuộc tính về hình dáng và thiết kế; chất liệu và nội dung; khối lượng và quy mô; màu sắc và kết cấu; ích dụng và chức năng; các truyền thống, các kỹ thuật và các hệ thống quản lý; địa điểm và khung cảnh; ngôn ngữ và các hình thức khác của di sản văn hóa phi vật thể; nhận thức và tình cảm của cộng đồng đối với di sản; các yếu tố bên trong và bên ngoài khác, làm cho mọi người có thể nhận biết được bản chất, đặc tính, ý nghĩa và lịch sử của di sản văn hóa.  4. *Di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới* (sau đây gọi chung là di sản thế giới) là di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh của Việt Nam có giá trị nổi bật toàn cầu về văn hóa hoặc thiên nhiên, được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (sau đây gọi chung là UNESCO) ghi vào Danh mục di sản thế giới.  5. *Di sản văn hóa thế giới* là di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh của Việt Nam có giá trị nổi bật toàn cầu về văn hóa được UNESCO ghi vào Danh mục di sản thế giới.  6. *Di sản thiên nhiên thế giới* là di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh của Việt Nam có giá trị nổi bật toàn cầu về thiên nhiên được UNESCO ghi vào Danh mục di sản thế giới.  7. *Di sản thế giới hỗn hợp* là di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh của Việt Nam có giá trị nổi bật toàn cầu cả về văn hóa và thiên nhiên, được UNESCO ghi vào Danh mục di sản thế giới.  8. *Khu vực di sản thế giới* là khu vực chứa đựng các yếu tố gốc tạo nên giá trị nổi bật toàn cầu của di sản thế giới.  9. *Vùng đệm của di sản thế giới* là khu vực bao quanh hoặc tiếp giáp khu vực di sản thế giới, có vai trò trong việc bảo vệ và phát huy giá trị của di sản thế giới. | Quy định về các khái niệm chuyên ngành trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ di sản thế giới được sử dụng trong Dự thảo Nghị định. Trong đó:  - Các Khoản 1, 2, 3, 8 và 9 là khái niệm dựa trên quy định tại Hướng dẫn thực hiện Công ước UNESCO 1972 về Bảo vệ Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới (sau đây gọi là Hướng dẫn Thực hiện Công ước Di sản Thế giới).  - Các khoản 4, 5, 6 và 7 là khái niệm về di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới quy định tại Hướng dẫn Thực hiện Công ước Di sản Thế giới, đồng thời đây cũng là các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh tiêu biểu của Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ cho phép lập hồ sơ khoa học trình UNESCO ghi vào Danh mục Di sản Thế giới (theo quy định tại Khoản 2 Điều 31 Luật Di sản văn hóa năm 2001, được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 12 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009). |
|  | Chương II **BẢO VỆ VÀ QUẢN LÝ DI SẢN THẾ GIỚI** | Chương này gồm 16 điều, từ Điều 4 đến Điều 19, quy định những vấn đề liên quan đến việc bảo vệ và quản lý di sản thế giới. Các quy định tại Chương này tập trung vào những vấn đề: bảo vệ khu vực di sản thế giới và vùng đệm của di sản thế giới; bảo vệ các yếu tố gốc tạo nên giá trị nổi bật toàn cầu của di sản thế giới; bảo vệ di sản thế giới trong trường hợp phát hiện nguy cơ bị hủy hoại; hoạt động bảo vệ, bảo quản, tu bổ, phục hồi di sản thế giới; những vấn đề liên quan đến việc lập nhiệm vụ và quy hoạch tổng thể, kế hoạch quản lý, quy chế bảo vệ di sản thế giới và thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt; nội dung nhiệm vụ và quy hoạch tổng thể, kế hoạch quản lý, quy chế quản lý, bảo vệ di sản thế giới. |
| 4 | **Điều 4. Bảo vệ khu vực di sản thế giới và vùng đệm của di sản thế giới**  1. Khu vực di sản thế giới được bảo vệ như đối với khu vực bảo vệ I của di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh quy định tại Luật Di sản văn hóa, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa.  2. Vùng đệm của di sản thế giới được bảo vệ như đối với khu vực bảo vệ II của di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh quy định tại Luật Di sản văn hóa, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa.  3. Khu vực di sản thế giới và vùng đệm của di sản thế giới phải được cắm mốc giới trên thực địa và phải đảm bảo các nguyên tắc sau:  a) Mốc giới được cắm theo đường ranh giới và các tọa độ điểm góc của khu vực di sản thế giới và vùng đệm của khu vực di sản thế giới đã được xác định tại bản đồ di sản thế giới trong hồ sơ đệ trình UNESCO;  b) Phân định rõ ranh giới khu vực di sản thế giới và vùng đệm của di sản thế giới với khu vực tiếp giáp trên thực địa theo bản đồ di sản thế giới trong hồ sơ đệ trình UNESCO;  c) Cột mốc phải được làm bằng chất liệu bền vững và đặt ở vị trí dễ nhận biết;  d) Hình dáng, màu sắc, kích thước cột mốc phải phù hợp với môi trường, cảnh quan của di sản thế giới và không làm ảnh hưởng đến yếu tố gốc tạo nên giá trị nổi bật toàn cầu của di sản thế giới.  4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có di sản thế giới chịu trách nhiệm tổ chức việc cắm mốc giới. | Quy định về việc bảo vệ khu vực di sản thế giới và vùng đệm của di sản thế giới. Đây là những quy định cần thiết vì các văn bản pháp luật về di sản văn hóa của Việt Nam chưa có quy định về việc bảo vệ khu vực di sản thế giới và vùng đệm của khu vực di sản thế giới được bảo vệ tương tự như đối với yêu cầu bảo vệ khu vực bảo vệ I và II của di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh quy định tại Khoản 13 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa. |
| 5 | **Điều 5. Bảo vệ các yếu tố gốc tạo nên giá trị nổi bật toàn cầu của di sản thế giới**  1. Các yếu tố gốc tạo nên giá trị nổi bật toàn cầu của di sản thế giới phải được bảo vệ thông qua giám sát định kỳ, bao gồm:  a) Công trình kiến trúc;  b) Dấu tích khảo cổ;  c) Di sản văn hóa phi vật thể;  d) Rừng và thảm thực vật;  đ) Động vật, sinh vật;  e) Cảnh quan thiên nhiên;  g) Cảnh quan địa chất, địa mạo;  h) Các yếu tố cần giám sát khác.  Đơn vị trực tiếp quản lý, bảo vệ di sản thế giới chịu trách nhiệm tổ chức giám sát định kỳ. Việc giám sát định kỳ phải được ghi chép bằng văn bản và lưu trữ hồ sơ tối thiểu là 10 năm, phù hợp với quy định của pháp luật về lưu trữ.  2. Các nguy cơ hiện hữu và tiềm ẩn có khả năng ảnh hưởng tiêu cực tới các yếu tố gốc tạo nên giá trị nổi bật toàn cầu của di sản thế giới phải được ghi nhận đầy đủ để có phương án ngăn chặn kịp thời, bao gồm:  a) Sức ép phát triển từ việc xây dựng các công trình mới, đô thị hóa và phát triển cơ sở hạ tầng giao thông, khai thác khoáng sản;  b) Sức ép từ hoạt động du lịch;  c) Sức ép môi trường từ biến đổi khí hậu, côn trùng, vi sinh vật gây hại, nấm mốc, nấm ký sinh trên cấu kiện kiến trúc, ô nhiễm không khí, ô nhiễm nguồn nước ở các sông, ngòi, ao, hồ tại di sản thế giới;  d) Sức ép từ gia tăng dân số, hoạt động sinh sống, sản xuất của cộng đồng địa phương tại di sản thế giới;  đ) Thảm họa thiên nhiên và các nguy cơ rủi ro từ động đất, lũ lụt, hỏa hoạn;  e) Các nguy cơ khác.  3. Trường hợp phát hiện di sản thế giới có nguy cơ bị hủy hoại thì thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định này. | Quy định về việc bảo vệ, giám sát các yếu tố gốc tạo nên giá trị nổi bật toàn cầu của di sản thế giới; trách nhiệm giám sát của đơn vị trực tiếp quản lý, bảo vệ di sản thế giới. Việc xác định giá trị nổi bật toàn cầu của di sản thế giới được thể hiện qua các công trình kiến trúc, dấu tích khảo cổ, di sản văn hóa phi vật thể, rừng và thảm thực vật, động vật, sinh vật, cảnh quan thiên nhiên, cảnh quan địa chất, địa mạo, vì vậy, để bảo vệ giá trị nổi bật toàn cầu của di sản thế giới phải bảo vệ được các yếu tố trên thông qua hoạt động giám sát định kỳ. Đây chính là một trong những nhiệm vụ của đơn vị trực tiếp quản lý, bảo vệ di sản thế giới cần thực hiện để hoàn thành trách nhiệm bảo vệ di sản thế giới được giao. Đối tượng giám sát đã được chỉ rõ cụ thể để đơn vị trực tiếp quản lý, bảo vệ di sản thế giới thực hiện việc giám sát này. |
| 6 | **Điều 6. Bảo vệ di sản thế giới trong trường hợp phát hiện nguy cơ bị hủy hoại**  1. Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc được giao quản lý, sử dụng di sản thế giới có trách nhiệm bảo vệ di sản thế giới đó; trong trường hợp phát hiện di sản thế giới bị lấn chiếm, hủy hoại hoặc có nguy cơ bị hủy hoại phải kịp thời có biện pháp ngăn chặn và thông báo cho Ủy ban nhân dân nơi có di sản thế giới, đơn vị trực tiếp quản lý, bảo vệ di sản thế giới, cơ quan nhà nước có thẩm quyền về văn hóa, thể thao và du lịch ở địa phương và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.  2. Ủy ban nhân dân địa phương nơi có di sản thế giới, đơn vị trực tiếp quản lý, bảo vệ di sản thế giới hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền về văn hóa, thể thao và du lịch khi nhận được thông báo về di sản thế giới bị hủy hoại hoặc có nguy cơ bị hủy hoại phải kịp thời áp dụng các biện pháp ngăn chặn, bảo vệ và báo cáo ngay với cơ quan cấp trên trực tiếp.  3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch khi nhận được thông báo về di sản thế giới bị hủy hoại hoặc có nguy cơ bị hủy hoại phải kịp thời chỉ đạo và hướng dẫn đơn vị trực tiếp quản lý, bảo vệ di sản thế giới phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở địa phương kịp thời áp dụng ngay các biện pháp ngăn chặn, bảo vệ.  4. Chủ đầu tư dự án cải tạo, xây dựng công trình ở nơi có ảnh hưởng tới di sản thế giới có trách nhiệm phối hợp và tạo điều kiện để đơn vị trực tiếp quản lý, bảo vệ di sản thế giới giám sát quá trình cải tạo, xây dựng công trình đó.  5. Trong quá trình cải tạo, xây dựng công trình mà thấy có nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực tới giá trị nổi bật toàn cầu và nguy cơ hủy hoại di sản thế giới, đơn vị trực tiếp quản lý, bảo vệ di sản thế giới phải:  a) Có biện pháp xử lý kịp thời để bảo đảm tiến độ xây dựng;  b) Trường hợp xét thấy cần đình chỉ xây dựng công trình tại địa điểm đó để bảo vệ di sản thế giới, đơn vị trực tiếp quản lý, bảo vệ di sản thế giới báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có di sản thế giới (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để thống nhất phương án giải quyết. Nếu vượt quá thẩm quyền giải quyết, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. | Các di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới ở Việt Nam được UNESCO công nhận, đồng thời là di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh tiêu biểu của đất nước đã được Thủ tướng Chính phủ xếp hạng cấp quốc gia đặc biệt theo quy định của Luật Di sản văn hóa, vì vậy cần được bảo vệ đặc biệt. Để làm tốt việc này cần quy định cụ thể trách nhiệm và thẩm quyền bảo vệ di sản thế giới khi có nguy cơ bị hủy hoại. Tuy nhiên, các quy định này chưa được nêu cụ thể tại các quy định về pháp luật di sản văn hóa của Việt Nam.  Do đó, Điều 6 được đưa ra nhằm quy định trách nhiệm thông báo và xử lý tình huống để ngăn chặn, bảo vệ di sản thế giới khi phát hiện di sản thế giới có nguy cơ bị hủy hoại. |
| 7 | **Điều 7. Hoạt động bảo quản, tu bổ, phục hồi di sản thế giới**  1. Hoạt động bảo quản, tu bổ, phục hồi trong khu vực di sản thế giới và vùng đệm của khu vực di sản thế giới phải đảm bảo bảo vệ bền vững đối với:  a) Các yếu tố gốc tạo nên giá trị nổi bật toàn cầu của di sản thế giới về lịch sử, văn hóa, kiến trúc nghệ thuật, khảo cổ, đa dạng sinh học, cảnh quan thiên nhiên, địa chất, địa mạo tại di sản thế giới;  b) Tính xác thực của các yếu tố gốc tạo nên giá trị nổi bật toàn cầu của di sản văn hóa thế giới;  c) Tính toàn vẹn của di sản thế giới.  2. Hoạt động bảo quản, tu bổ, phục hồi, tôn tạo, xây dựng công trình kiến trúc trong khu vực di sản thế giới và vùng đệm của khu vực di sản thế giới phải được lập thành dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và phải được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định của Chính phủ về thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. | Pháp luật về di sản văn hóa chỉ quy định về lập Quy hoạch tổng thể và dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích nói chung, di tích quốc gia đặc biệt nói riêng. Đối với di sản thế giới của Việt Nam, hoạt động bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích chưa được quy định cụ thể tại Nghị định số 70/2012/NĐ-CP ngày 18/9/2012 quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, vì vậy, cần có thêm một số quy định mà UNESCO quy định cần phải thực hiện đối với việc bảo vệ di sản thế giới. Do đó, Điều 7 Dự thảo Nghị định quy định thêm các quy định về hoạt động bảo quản, tu bổ, phục hồi trong khu vực di sản thế giới và vùng đệm của khu vực di sản thế giới phải đảm bảo bảo vệ bền vững giá trị nổi bật toàn cầu, tính toàn vẹn và xác thực của di sản thế giới, theo đó, các hoạt động này phải được cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh (hiện nay đang thực hiện theo quy định của Nghị định số 70/2012/NĐ-CP). |
| 8 | **Điều 8. Lập quy hoạch tổng thể bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di sản thế giới**  1. Di sản thế giới phải được lập quy hoạch tổng thể bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di sản thế giới (sau đây gọi chung là quy hoạch tổng thể di sản thế giới) theo nội dung quy định tại các Điều 11 và 12 Nghị định này.  2. Quy hoạch tổng thể di sản thế giới bao gồm các thành phần sau:  a) Đồ án quy hoạch tổng thể di sản thế giới;  b) Hồ sơ quy hoạch tổng thể di sản thế giới.  3. Trước khi triển khai lập quy hoạch tổng thể di sản thế giới phải lập nhiệm vụ quy hoạch tổng thể bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di sản thế giới (sau đây gọi chung là nhiệm vụ quy hoạch tổng thể di sản thế giới).  4. Trường hợp di sản thế giới đồng thời có khu vực di sản thế giới và vùng đệm của khu vực di sản thế giới là một phần hoặc toàn bộ diện tích của khu du lịch quốc gia, rừng đặc dụng, khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo tồn biển thì việc lập quy hoạch được quy định như sau:  a) Chỉ lập một (01) quy hoạch tổng thể di sản thế giới, trong đó lồng ghép các nội dung giữa bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh với bảo vệ tài nguyên du lịch, tài nguyên rừng, bảo vệ đa dạng sinh học, bảo vệ thủy sản;  b) Nội dung quy hoạch tổng thể di sản thế giới được lập theo quy định tại các Điều 11 và 12 Nghị định này và quy định của pháp luật về du lịch, pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, pháp luật về đa dạng sinh học và pháp luật về thủy sản. | Quy định về việc lập quy hoạch tổng thể bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di sản thế giới, trong đó, quy định chỉ lập một (01) Quy hoạch tổng thể di sản thế giới trong trường hợp di sản thế giới đồng thời có khu vực di sản thế giới và vùng đệm của khu vực di sản thế giới là một phần hoặc toàn bộ diện tích của khu du lịch quốc gia, rừng đặc dụng, khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo tồn biển. |
| 9 | **Điều 9. Nhiệm vụ quy hoạch tổng thể di sản thế giới**  Nhiệm vụ quy hoạch tổng thể di sản thế giới bao gồm những nội dung sau:  1. Xác định yêu cầu nghiên cứu, khảo sát di sản thế giới và các yếu tố kinh tế - xã hội có liên quan.  2. Nghiên cứu đánh giá các yếu tố kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến việc lập và triển khai quy hoạch.  3. Xác định đặc trưng và giá trị tiêu biểu của di sản thế giới.  4. Đề xuất định hướng, kế hoạch lập quy hoạch tổng thể di sản thế giới và kế hoạch chi tiết cho các việc cắm mốc giới, giải tỏa vi phạm, tổ chức phát huy giá trị di sản thế giới.  5. Đề xuất định hướng tổ chức không gian kiến trúc, cảnh quan cho việc bảo tồn di sản thế giới và xây dựng mới.  6. Xác định nội dung chi tiết của đồ án quy hoạch tổng thể di sản thế giới, thời hạn hoàn thành đồ án quy hoạch tổng thể di sản thế giới. | Điều 9 quy định một số nội dung cần thực hiện trong Nhiệm vụ Quy hoạch tổng thể bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị đối với di sản thế giới mà chưa được quy định tại các quy định của pháp luật về di sản văn hóa. Do đó, Điều này quy định về nội dung của nhiệm vụ quy hoạch tổng thể di sản thế giới (trên cơ sở tiếp thu nội dung của nhiệm vụ quy hoạch tổng thể di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh quy định tại Điều 10 Nghị định số 70/2012/NĐ-CP). |
| 10 | **Điều 10. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch tổng thể di sản thế giới**  1. Thẩm quyền lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch tổng thể di sản thế giới:  a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch tổng thể di sản thế giới, đề nghị Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định. Trường hợp lập quy hoạch tổng thể di sản thế giới phân bố trên địa bàn từ hai (02) tỉnh trở lên thì Thủ tướng Chính phủ quyết định việc chọn địa phương chịu trách nhiệm chủ trì lập quy hoạch tổng thể di sản thế giới;  b) Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì thẩm định nhiệm vụ quy hoạch tổng thể di sản thế giới, đề nghị Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;  c) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch tổng thể di sản thế giới.  2. Trình tự thẩm định nhiệm vụ quy hoạch tổng thể di sản thế giới:  a) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính theo quy định tại điểm b Khoản 1, điểm c Khoản 2, điểm b Khoản 3, điểm a Khoản 5 và điểm a Khoản 6 Điều 21 Nghị định này đối với nhiệm vụ quy hoạch tổng thể di sản thế giới;  b) Căn cứ ý kiến của các Bộ liên quan quy định tại điểm a Khoản này, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng hợp và có ý kiến bằng văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị chỉnh sửa nội dung nhiệm vụ quy hoạch tổng thể di sản thế giới;  c) Sau khi nhận được đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị thẩm định nhiệm vụ quy hoạch tổng thể đã được chỉnh sửa theo ý kiến góp ý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tại điểm b Khoản này, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định thành lập Hội đồng thẩm định nhiệm vụ quy hoạch tổng thể di sản thế giới. Thành phần Hội đồng thẩm định gồm đại diện các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các chuyên gia trong lĩnh vực có liên quan. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan thường trực của Hội đồng thẩm định;  d) Kết quả thẩm định nhiệm vụ quy hoạch tổng thể di sản thế giới sẽ được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để làm cơ sở hoàn chỉnh nội dung nhiệm vụ quy hoạch tổng thể di sản thế giới.  3. Thủ tục thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch tổng thể di sản thế giới:  a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản đề nghị kèm theo một (01) bộ hồ sơ bằng cách nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để thẩm định, đề nghị Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch tổng thể di sản thế giới;  b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và hồ sơ hợp lệ, người có thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều này có trách nhiệm xem xét thẩm định hoặc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch tổng thể theo thẩm quyền. | Các văn bản quy phạm pháp luật về di sản văn hóa chưa có quy định này, vì vậy, Điều 10 quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch tổng thể di sản thế giới. Đây là những quy định hướng dẫn chủ đầu tư khi lập nhiệm vụ quy hoạch tổng thể di sản thế giới cần phải tuân thủ đúng trình tự, thẩm quyền và các văn bản pháp luật khác có liên quan. |
| 11 | **Điều 11. Đồ án quy hoạch tổng thể di sản thế giới**  Đồ án quy hoạch tổng thể di sản thế giới bao gồm những nội dung sau:  1. Căn cứ lập quy hoạch tổng thể di sản thế giới bao gồm:  a) Văn bản pháp luật có liên quan đến quy hoạch tổng thể;  b) Chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của địa phương đã được phê duyệt;  c) Nhiệm vụ quy hoạch tổng thể di sản thế giới đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;  d) Quy chuẩn, tiêu chuẩn về bảo quản, tu bổ và phục hồi di sản thế giới.  2. Phân tích, đánh giá hiện trạng di sản thế giới và đất đai thuộc di sản thế giới bao gồm:  a) Kết quả khảo sát, nghiên cứu về đặc điểm, giá trị di sản thế giới; vai trò của di sản thế giới trong mối quan hệ vùng; tình trạng kỹ thuật, quản lý, sử dụng và phát huy giá trị di sản thế giới;  b) Phân tích, đánh giá môi trường tự nhiên và xã hội; các yếu tố kinh tế - xã hội; hiện trạng về sử dụng đất; hiện trạng về cơ sở hạ tầng kỹ thuật của khu vực quy hoạch;  c) Xác định đặc trưng và giá trị tiêu biểu của di sản thế giới.  3. Quan điểm, mục tiêu dài hạn và mục tiêu ngắn hạn của quy hoạch tổng thể di sản thế giới.  4. Xác định ranh giới khu vực di sản thế giới và vùng đệm của khu vực di sản thế giới, xác định khu vực cảnh quan thiên nhiên, khu vực hạn chế xây dựng, khu vực xây dựng mới.  5. Định hướng bảo quản, tu bổ, phục hồi di sản thế giới bao gồm:  a) Phương hướng chung đối với việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di sản thế giới của toàn khu vực quy hoạch;  b) Danh mục các đối tượng thuộc di sản thế giới cần bảo quản, tu bổ, phục hồi và mức độ bảo quản, tu bổ, phục hồi đối với từng đối tượng;  c) Nguyên tắc và giải pháp cơ bản đối với việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di sản thế giới.  6. Định hướng phát huy giá trị di sản thế giới gắn với phát triển du lịch bền vững.  7. Định hướng tổ chức không gian, công trình kiến trúc xây dựng mới, độ cao, mật độ xây dựng, hình thức kiến trúc, vật liệu xây dựng; định hướng cải tạo, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong khu vực quy hoạch tổng thể di sản thế giới.  8. Dự báo tác động môi trường và đề xuất biện pháp bảo vệ môi trường, giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường trong khu vực quy hoạch;            9. Đề xuất các dự án thành phần, phân kỳ đầu tư, thứ tự ưu tiên các dự án thành phần và nguồn vốn đầu tư cho các dự án.  10. Đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp thực hiện quy hoạch tổng thể. | Do di sản thế giới phải tuân thủ các quy định của UNESCO tại Hướng dẫn thực hiện Công ước Di sản Thế giới và pháp luật Việt Nam hiện hành, vì vậy, Nghị định này cần quy định một số nội dung về Quy hoạch tổng thể bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di sản thế giới mà chưa được quy định tại Nghị định số 70/2012/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác của Việt Nam có liên quan.  Do đó Điều 11 được đưa ra nhằm quy định về nội dung đồ án quy hoạch tổng thể di sản thế giới (trên cơ sở tiếp thu nội dung về quy hoạch tổng thể di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh quy định tại Điều 11 Nghị định số 70/2012/NĐ-CP). |
| 12 | **Điều 12. Hồ sơ quy hoạch tổng thể di sản thế giới**  Hồ sơ quy hoạch tổng thể di sản thế giới gồm:  1. Bản vẽ:  a) Bản đồ vị trí di sản thế giới trên nền bản đồ đo đạc địa hình khu vực tỷ lệ 1/5.000;  b) Bản đồ mối liên hệ vùng tỷ lệ 1/10.000 - 1/25.000;  c) Bản đồ hiện trạng tổng hợp về sử dụng đất, kiến trúc, cảnh quan, hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật và đánh giá quỹ đất xây dựng trên nền bản đồ đo đạc địa hình khu vực và bản đồ quy hoạch xây dựng khu vực (đã được phê duyệt và còn hiệu lực) tỷ lệ 1/2.000 hoặc có tỷ lệ thích hợp với khu vực quy hoạch;  d) Bản đồ định hướng tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan tỷ lệ 1/2.000 hoặc có tỷ lệ thích hợp với khu vực quy hoạch;  đ) Bản đồ xác định khu vực di sản thế giới và vùng đệm của di sản thế giới; bản đồ xác định khu vực cần giải tỏa vi phạm trong khu vực di sản thế giới và vùng đệm của di sản thế giới tỷ lệ 1/2.000 hoặc có tỷ lệ thích hợp với khu vực quy hoạch;  e) Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/2.000 hoặc có tỷ lệ thích hợp với khu vực quy hoạch;  g) Bản đồ quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật tỷ lệ 1/2.000 hoặc có tỷ lệ thích hợp với khu vực quy hoạch.  2. Điều lệ quản lý quy hoạch.  3. Báo cáo thuyết minh tổng hợp; các văn bản thẩm định nhiệm vụ, thẩm định đồ án quy hoạch tổng thể di sản thế giới và văn bản khác‎ có liên quan.  4. Tờ trình phê duyệt đồ án quy hoạch tổng thể di sản thế giới. | Điều này quy định về hồ sơ quy hoạch tổng thể di sản thế giới (trên cơ sở tiếp thu nội dung của hồ sơ quy hoạch tổng thể di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 70/2012/NĐ-CP), gồm 03 thành phần là: bản vẽ, thuyết minh, điều lệ quản lý quy hoạch. |
| 13 | **Điều 13. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng thể di sản thế giới**  1. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng thể di sản thế giới thực hiện như thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch tổng thể di sản thế giới quy định tại Điều 10 Nghị định này.  2. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể di sản thế giới và đĩa CD sao lưu toàn bộ đồ án quy hoạch tổng thể di sản thế giới và hồ sơ quy hoạch tổng thể di sản thế giới đã duyệt phải được gửi về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để lưu giữ. | Nghị định số 70/2012/NĐ-CP chỉ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt đối với di tích cấp quốc gia đặc biệt, cụm di tích cấp quốc gia và cấp tỉnh, không quy định đối với di sản thế giới, vì vậy, Nghị định này cần có quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt đối với di sản thế giới.  Do đó, nội dung Điều này quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng thể di sản thế giới. Đây là những quy định hướng dẫn chủ đầu tư khi lập quy hoạch tổng thể di sản thế giới cần phải tuân thủ đúng trình tự, thẩm quyền và các văn bản pháp luật khác có liên quan. |
| 14 | **Điều 14. Kế hoạch quản lý di sản thế giới**  1. Đồ án quy hoạch tổng thể di sản thế giới sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phải lập kế hoạch quản lý để thực hiện quy hoạch tổng thể.  2. Kế hoạch quản lý di sản thế giới bao gồm những nội dung cơ bản sau:  a) Mô tả di sản thế giới: hiện trạng khu vực di sản thế giới và vùng đệm của khu vực di sản thế giới, các điểm di tích, cụm di tích, cảnh quan thiên nhiên, các điều kiện nền về địa chất, đa dạng sinh học và những yếu tố gốc tạo nên giá trị nổi bật toàn cầu của di sản thế giới;  b) Tuyên bố giá trị nổi bật toàn cầu của di sản thế giới đã được UNESCO công nhận và các giá trị khác về vật thể và phi vật thể của di sản thế giới;  c) Mục tiêu của kế hoạch quản lý di sản thế giới;  d) Các quy định pháp lý trong nước và quốc tế áp dụng đối với việc quản lý, bảo vệ di sản thế giới;  đ) Các nguy cơ tác động tới di sản thế giới; thực trạng quản lý, bảo vệ di sản thế giới;  e) Cơ chế, chính sách quản lý, bảo vệ di sản thế giới nhằm ngăn chặn các yếu tố, nguy cơ tác động tới di sản thế giới;  g) Giám sát tình trạng bảo tồn đối với di sản thế giới: các chỉ số cần giám sát, chu kỳ thời gian giám sát, tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm giám sát;  h) Bộ máy tổ chức, nguồn nhân lực, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị trực tiếp quản lý, bảo vệ di sản thế giới;  i) Những nội dung, kết quả nghiên cứu có liên quan của quy hoạch tổng thể;  k) Danh mục, trình tự triển khai các dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di sản thế giới theo kế hoạch năm (05) năm và hằng năm trên cơ sở các giai đoạn quy hoạch trung hạn và hằng năm được xác định trong đồ án quy hoạch tổng thể di sản thế giới đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;  l) Dự kiến nhu cầu vốn hằng năm cho công tác thực hiện quy hoạch tổng thể di sản thế giới;  m) Xác định nguồn lực theo kế hoạch và khả năng huy động nguồn lực để thực hiện theo kế hoạch hằng năm thuộc giai đoạn ngắn hạn;  n) Nguồn kinh phí thực hiện kế hoạch quản lý di sản thế giới;  o) Thời gian phê duyệt lại kế hoạch quản lý di sản thế giới (sau mỗi giai đoạn năm (05) năm);  p) Vai trò của các tổ chức, cá nhân liên quan trong việc quản lý, bảo vệ di sản thế giới và thực hiện kế hoạch quản lý di sản thế giới;  q) Các nội dung khác có liên quan. | Tại Hướng dẫn thực hiện Công ước Di sản Thế giới (Đoạn 108 - 118) UNESCO quy định các di sản thế giới cần xây dựng kế hoạch quản lý, trong đó, đảm bảo đưa ra được những quy định pháp lý, cơ chế, chính sách, biện pháp hành chính, tài chính để giảm thiểu những nguy cơ hiện hữu và tiềm ẩn tác động tới di sản thế giới, nhằm bảo vệ được nguyên vẹn giá trị nổi bật toàn cầu, tính toàn vẹn và tính chân xác của di sản thế giới; trong khi đó, các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam không có quy định này.  Do đó, Điều này quy định về việc lập kế hoạch quản lý di sản thế giới để thực hiện quy hoạch tổng thể di sản thế giới được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và để thực hiện theo quy định của UNESCO tại Hướng dẫn thực hiện Công ước Di sản Thế giới. |
| 15 | **Điều 15. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch quản lý di sản thế giới**  1. Thẩm quyền lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch quản lý di sản thế giới:  a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập và phê duyệt kế hoạch quản lý di sản thế giới trong phạm vi địa phương quản lý.Trường hợp di sản thế giới phân bố trên địa bàn từ hai (02) tỉnh trở lên thì Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định việc chọn địa phương chịu trách nhiệm chủ trì lập kế hoạch quản lý di sản thế giới;  b) Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì thẩm định kế hoạch quản lý di sản thế giới.  2. Trình tự thẩm định kế hoạch quản lý di sản thế giới được thực hiện như sau:  a) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch lấy ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quản lý chuyên ngành cùng cấp, các hội chuyên ngành và của các chuyên gia có liên quan đối với kế hoạch quản lý di sản thế giới;  b) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp thu ý kiến góp ý của các tổ chức, cá nhân quy định tại điểm a Khoản này và thẩm định kế hoạch quản lý di sản thế giới theo thẩm quyền. Kết quả thẩm định kế hoạch quản lý di sản thế giới sẽ được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để làm cơ sở hoàn chỉnh nội dung kế hoạch quản lý di sản thế giới.  3. Thủ tục thẩm định, phê duyệt kế hoạch quản lý di sản thế giới:  a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản đề nghị kèm theo một (01) bộ hồ sơ bằng cách nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để thẩm định kế hoạch quản lý di sản thế giới trước khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;  b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và hồ sơ hợp lệ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm xem xét thẩm định kế hoạch quản lý di sản thế giới, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.  4. Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch quản lý di sản thế giới và đĩa CD sao lưu toàn bộ hồ sơ kế hoạch quản lý di sản thế giới đã duyệt phải được gửi về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để lưu giữ.  5. Hồ sơ Kế hoạch quản lý di sản thế giới được lưu giữ tại Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (01 bộ), tại Ủy ban quốc gia UNESCO Việt Nam (01 bộ), tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (01 bộ), tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nơi có di sản thế giới (01 bộ), tại đơn vị trực tiếp quản lý, bảo vệ di sản thế giới (01 bộ). | Do các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam chưa có quy định về việc xây dựng kế hoạch quản lý di sản thế giới, vì vậy, chưa quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt kế hoạch quản lý.  Do đó, Điều này quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch quản lý di sản thế giới. Đây là những quy định hướng dẫn đơn vị trực tiếp quản lý, bảo vệ di sản thế giới, các tổ chức, cá nhân khi lập kế hoạch quản lý di sản thế giới cần phải tuân thủ. |
| 16 | **Điều 16. Quy chế quản lý, bảo vệ di sản thế giới**  1. Quy chế quản lý, bảo vệ di sản thế giới được xây dựng, bổ sung, chỉnh sửa theo những nội dung cơ bản sau:  a) Những nội dung, kết quả nghiên cứu có liên quan của quy hoạch tổng thể và kế hoạch quản lý di sản thế giới;  b) Quy định quản lý, bảo vệ khu vực di sản thế giới và vùng đệm của khu vực di sản thế giới;  c) Quy định về khai thác, sử dụng, phát triển trong khu vực di sản thế giới và vùng đệm của khu vực di sản thế giới;  d) Hướng dẫn và đánh giá các thủ tục đầu tư (xây dựng, bảo vệ cảnh quan, bảo quản, tu bổ, phục hồi);  đ) Quy định về trách nhiệm phối hợp quản lý, bảo vệ di sản thế giới trong phạm vi địa phương giữa đơn vị trực tiếp quản lý, bảo vệ di sản thế giới và các tổ chức, cá nhân liên quan;  e) Tổ chức thực hiện;  g) Các điều khoản khác có liên quan.  2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức xây dựng, bổ sung, chỉnh sửa và ban hành quy chế quản lý, bảo vệ di sản thế giới trong phạm vi địa phương quản lý. Trường hợp di sản thế giới phân bố trên địa bàn từ hai (02) tỉnh trở lên thì Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định việc chọn địa phương chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, bổ sung, chỉnh sửa quy chế quản lý, bảo vệ di sản thế giới.  3. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì thẩm định quy chế quản lý, bảo vệ di sản thế giới, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.  4. Quy chế quản lý, bảo vệ di sản thế giới được lưu giữ tại Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, tại Ủy ban nhân dân địa phương nơi có di sản thế giới, tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nơi có di sản thế giới, tại đơn vị trực tiếp quản lý, bảo vệ di sản thế giới, tại các tổ chức, cá nhân có liên quan ở địa phương. | Văn bản quy phạm pháp luật về di sản văn hóa chưa quy định về việc xây dựng quy chế quản lý, bảo vệ di sản thế giới. Nhưng trên thực tế, một số di sản thế giới đã có quy chế quản lý, bảo vệ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành (Khu Phố cổ Hội An, Thành Nhà Hồ, Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, Vịnh Hạ Long, Quần thể danh thắng Tràng An). Việc ban hành và áp dụng quy chế quản lý, bảo vệ di sản thế giới đã góp phần quan trọng vào việc kịp thời điều chỉnh những vấn đề nảy sinh trong quá trình quản lý, bảo vệ di sản thế giới.  Do đó, Điều này quy định về việc xây dựng, bổ sung, chỉnh sửa quy chế quản lý, bảo vệ di sản thế giới và thẩm quyền lập, thẩm định quy chế. Trường hợp di sản thế giới phân bố trên địa bàn từ hai (02) tỉnh trở lên thì Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định việc chọn địa phương chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, bổ sung, chỉnh sửa quy chế quản lý, bảo vệ di sản thế giới. |
| 17 | **Điều 17. Đơn vị trực tiếp quản lý, bảo vệ di sản thế giới**  1. Các di sản thế giới được UNESCO ghi vào Danh mục di sản thế giới phải có đơn vị trực tiếp quản lý, bảo vệ di sản thế giới.  2. Căn cứ loại hình di sản thế giới được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới hay di sản thiên nhiên thế giới và căn cứ vào giá trị, quy mô của di sản thế giới, đơn vị trực tiếp quản lý, bảo vệ di sản thế giới cần có các bộ phận chức năng phù hợp để đảm bảo thực thi những nhiệm vụ liên quan quy định tại Điều 18 Nghị định này, bao gồm:  a) Quản lý, bảo vệ di sản thế giới;  b) Nghiên cứu khoa học;  c) Tu bổ di tích; hóa nghiệm bảo quản, phục chế, tu sửa hiện vật;  d) Tôn tạo cảnh quan và kiểm soát môi trường, giám sát nguồn nước;  đ) Bảo vệ tài nguyên rừng, thủy sản;  e) Cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật;  g) Kiểm lâm, kiểm ngư;  h) Thuyết minh, tuyên truyền, giáo dục;  i) Bảo tàng, thư viện;  k) Biểu diễn nghệ thuật, trình diễn di sản văn hóa phi vật thể;  l) Hợp tác quốc tế;  m) Tư vấn bảo tồn, quản lý dự án;  n) Giám sát cộng đồng;  o) Du lịch, dịch vụ, tiếp thị.  3. Đơn vị trực tiếp quản lý, bảo vệ di sản thế giới phải thành lập Hội đồng tư vấn khoa học để tư vấn cho người đứng đầu của đơn vị về hoạt động bảo vệ và quản lý di sản thế giới quy định tại Chương này.  4. Đơn vị trực tiếp quản lý, bảo vệ di sản thế giới là tổ chức được giao trực tiếp quản lý, bảo vệ di sản thế giới, có trụ sở đặt tại khu vực có di sản thế giới và được thành lập, tổ chức lại, giải thể theo quy định của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.  5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xây dựng Đề án thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị trực tiếp quản lý, bảo vệ di sản thế giới trong phạm vi địa phương trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.  6. Di sản thế giới thuộc địa bàn một (01) tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì thành lập đơn vị trực tiếp quản lý, bảo vệ di sản thế giới trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.  7. Di sản thế giới phân bố trên địa bàn từ hai (02) tỉnh trở lên thì thành lập đơn vị trực tiếp quản lý, bảo vệ di sản thế giới tại mỗi tỉnh đó, trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.Trong quá trình quản lý, bảo vệ di sản thế giới thuộc địa bàn từ hai (02) tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên, nếu có vấn đề nảy sinh mà không có sự thống nhất giữa Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và giữa các đơn vị trực tiếp quản lý, bảo vệ di sản thế giới mà có nguy cơ làm ảnh hưởng tới giá trị nổi bật toàn cầu của di sản thế giới, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để thống nhất phương án giải quyết. Nếu vượt quá thẩm quyền giải quyết, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.  8. Đơn vị trực tiếp quản lý, bảo vệ di sản thế giới chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ, ngành khác có liên quan ở Trung ương. | Hiện nay, 08 di sản thế giới ở Việt Nam đều đã có đơn vị trực tiếp quản lý, bảo vệ di sản thế giới. Tuy nhiên, do các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam chưa có quy định cụ thể về vấn đề này, nên bộ máy tổ chức và nhiệm vụ được giao cho các đơn vị trực tiếp quản lý, bảo vệ di sản thế giới rất khác nhau. Vì vậy, cần có các quy định cụ thể về vấn đề này, nhằm đảm bảo di sản thế giới được bảo vệ tốt và bền vững.  Do đó, tại các Điều 17 và 18 Dự thảo Nghị định đã đưa ra quy định về vấn đề này như sau:  **- Điều 17:** Quy định đơn vị trực tiếp quản lý, bảo vệ di sản thế giới là đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, được thành lập, tổ chức lại, giải thể theo quy định của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. Căn cứ loại hình di sản thế giới được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới hay di sản thiên nhiên thế giới và căn cứ vào giá trị, quy mô của di sản thế giới, đơn vị trực tiếp quản lý, bảo vệ di sản thế giới cần có các bộ phận chức năng phù hợp để đảm bảo thực thi những nhiệm vụ liên quan quy định tại Dự thảo Nghị định.  **- Điều 18:** Quy định về nhiệm vụ của đơn vị trực tiếp quản lý, bảo vệ di sản thế giới trong việc trực tiếp thực hiện các hoạt động quản lý, bảo vệ, bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản thế giới. |
| 18 | **Điều 18. Nhiệm vụ của đơn vị trực tiếp quản lý, bảo vệ di sản thế giới**  1. Quản lý và bảo vệ di sản thế giới.  2. Quản lý về kế hoạch, tài chính, đầu tư xây dựng cơ bản trong lĩnh vực bảo quản, tu bổ, phục hồi di sản thế giới theo quy định hiện hành.  3. Lập kế hoạch quản lý, bảo vệ di sản thế giới dài hạn, trung hạn và ngắn hạn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch quản lý sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.  4. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, trưng bày, giới thiệu về di sản thế giới; nghiên cứu, sưu tầm, tư liệu hóa, lưu trữ tài liệu về di sản văn hóa vật thể và phi vật thể có liên quan phục vụ cho công tác bảo quản, tu bổ, phục hồi di sản thế giới; bảo quản, nghiên cứu, sưu tầm di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, mẫu vật địa chất, động, thực vật tại di sản thế giới và trưng bày, triển lãm lưu động khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; tổ chức lễ hội, biểu diễn nghệ thuật truyền thống và các loại hình di sản văn hóa phi vật thể khác gắn với di sản thế giới; phối hợp, liên kết với các cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương, địa phương và các đơn vị trực tiếp quản lý, bảo vệ di sản thế giới khác, các doanh nghiệp và tổ chức chuyên môn trong nước và quốc tế tổ chức, thực hiện các chương trình, hoạt động tuyên truyền, quảng bá về di sản thế giới.  5. Ứng dụng khoa học công nghệ thích hợp vào việc bảo vệ, tu bổ, tôn tạo di sản thế giới; bảo tồn giá trị địa chất, địa mạo, giá trị thẩm mỹ; bảo tồn và phát triển hệ động, thực vật để duy trì giá trị đa dạng sinh học của di sản thế giới; tổ chức các hoạt động phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, thu gom, xử lý chất thải, bảo vệ, ngăn chặn các tác nhân gây nguy hại tới môi trường và nguồn nước tại di sản thế giới.  6. Trực tiếp giám sát tình trạng bảo tồn đối với: công trình kiến trúc; dấu tích khảo cổ; di sản văn hóa phi vật thể; rừng và thảm thực vật; động vật, sinh vật; cảnh quan thiên nhiên, địa chất, địa mạo; và các yếu tố tạo nên giá trị nổi bật toàn cầu của di sản thế giới.  7. Tổ chức hoặc liên kết tổ chức các hoạt động dịch vụ, du lịch phục vụ khách tham quan du lịch đến tham quan và tìm hiểu tại di sản thế giới.  8. Tổ chức bán vé, thu phí tham quan và các khoản thu dịch vụ khác; quản lý, sử dụng nguồn thu theo quy định của pháp luật; tổ chức các hoạt động du lịch, dịch vụ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương có di sản thế giới.  9. Lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho công nhân, viên chức, người lao động làm công tác quản lý và bảo vệ di sản thế giới thuộc đơn vị quản lý.  10. Tư vấn lập dự án, quản lý và tổ chức thực hiện các dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di sản thế giới, các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, tôn tạo cảnh quan thiên nhiên tại di sản thế giới đã được xác định trong quy hoạch tổng thể, kế hoạch quản lý di sản thế giới theo quy định của pháp luật.  11. Chịu trách nhiệm điều phối chung, tổ chức và giám sát việc triển khai các hoạt động quản lý, bảo vệ, bảo tồn, tôn tạo di sản thế giới; quản lý và giám sát các hoạt động đầu tư, bảo vệ môi trường, bảo tồn và phát triển sinh vật trong khu vực di sản thế giới và vùng đệm của khu vực di sản thế giới; phối hợp với các cấp, các ngành có liên quan kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh tế - xã hội trong khu vực di sản thế giới và vùng đệm của khu vực di sản thế giới.  12. Phối hợp với các cấp, các ngành có liên quan thẩm định và trình cơ quan cấp trên trực tiếp phê duyệt các quy hoạch, dự án, chương trình phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực di sản thế giới và vùng đệm của khu vực di sản thế giới theo quy định hiện hành.  13. Báo cáo cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về chủ trương thực hiện tu bổ, xây dựng mới có thể tác động tới giá trị nổi bật toàn cầu của di sản thế giới.  14. Định kỳ hằng năm, đánh giá hoạt động du lịch, sức chứa tại các điểm đến của di sản thế giới để đề xuất phương án giảm thiểu tác động từ du lịch đến những điểm vượt quá sức chứa, có nguy cơ ảnh hưởng tới giá trị nổi bật toàn cầu của di sản thế giới.  15. Tổ chức thực hiện các chương trình hợp tác quốc tế, đặc biệt là với UNESCO; tranh thủ sự hợp tác và trợ giúp của quốc tế, của các chính phủ, các tổ chức phi chính phủ và cá nhân người nước ngoài; quản lý và sử dụng đúng mục đích có hiệu quả mọi nguồn vốn theo quy định của pháp luật.  16. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ hằng quý, hằng năm và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; chuẩn bị báo cáo định kỳ thực hiện Công ước về Bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới để Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Ủy ban quốc gia UNESCO Việt Nam gửi tới UNESCO theo quy định.  17. Thực hiện các nhiệm vụ khác do cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp giao. |
| 19 | **Điều 19. Nguồn tài chính**  1. Nguồn tài chính phục vụ cho hoạt động quản lý và bảo vệ di sản thế giới bao gồm:  a) Ngân sách nhà nước;  b) Các khoản thu về phí tham quan (vé tham quan) được thực hiện theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước;  c) Các khoản thu về hoạt động dịch vụ tại di sản thế giới;  d) Tài trợ và đóng góp của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài;  đ) Các nguồn tài chính hợp pháp khác.  2. Các khoản thu nêu trong các điểm b và c Khoản 1 Điều này, sau khi đã thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật về tài chính, được sử dụng để chi trả lương cho đội ngũ công chức, viên chức và người lao động của đơn vị trực tiếp quản lý, bảo vệ di sản thế giới và chi cho hoạt động bảo vệ và quản lý di sản thế giới quy định tại Chương này. | Thực tế hiện nay việc quản lý và sử dụng nguồn thu từ vé tham quan, hoạt động du lịch, dịch vụ tại các di sản thế giới ở mỗi địa phương rất khác nhau. Việc tái đầu tư nguồn thu trở lại cho hoạt động bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di sản thế giới chưa được thực hiện đầy đủ. Vì vậy, căn cứ nội dung quản lý, bảo vệ di sản thế giới, Nghị định này cần bổ sung thêm quy định nguồn tài chính phục vụ cho hoạt động quản lý, bảo vệ di sản thế giới.  Do đó, Điều này quy định về nguồn tài chính (thu, chi) phục vụ cho hoạt động quản lý và bảo vệ di sản thế giới. |
|  | **CHƯƠNG III**  **TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ DI SẢN THẾ GIỚI** | Chương này gồm 05 điều, từ Điều 20 - 24 quy định về trách nhiệm quản lý và bảo vệ di sản thế giới của các Bộ, ngành có liên quan ở Trung ương, của Ủy ban quốc gia UNESCO Việt Nam, của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia và của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có di sản thế giới. |
| 20 | **Điều** **20. Trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**  Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện việc thống nhất quản lý nhà nước về di sản thế giới, cụ thể là:  1. Trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, bảo vệ di sản thế giới và tổ chức chỉ đạo việc thực hiện.  2. Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch tổng thể, quy hoạch tổng thể, kế hoạch quản lý và quy chế quản lý, bảo vệ di sản thế giới.  3. Thẩm định hoạt động bảo quản, tu bổ, phục hồi, tôn tạo, xây dựng công trình kiến trúc trong khu vực di sản thế giới và vùng đệm của khu vực di sản thế giới và dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công tu bổ, tôn tạo di sản thế giới quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định này.  4. Thẩm định dự án cải tạo, xây dựng công trình nằm ngoài khu vực di sản thế giới và vùng đệm của khu vực di sản thế giới có nguy cơ ảnh hưởng đến giá trị nổi bật toàn cầu của di sản thế giới theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.  5. Thỏa thuận việc điều chỉnh khu vực di sản thế giới và vùng đệm của khu vực di sản thế giới trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị UNESCO xem xét, phê duyệt.  6. Tổ chức và chỉ đạo thực hiện việc tuyên truyền, quảng bá, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý và bảo vệ di sản thế giới.  7. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban quốc gia UNESCO Việt Nam trong việc:  a) Giải quyết các khuyến nghị, quyết định của Ủy ban Di sản Thế giới, Trung tâm Di sản Thế giới UNESCO, Hội đồng quốc tế về Di tích và Di chỉ (ICOMOS), Hiệp hội Bảo tồn Thiên nhiên Thế giới (IUCN) và Trung tâm nghiên cứu quốc tế về Bảo quản và Tu bổ tài sản văn hóa (ICCROM) về việc quản lý và bảo vệ di sản thế giới;  b) Thực hiện các chủ trương, chính sách của UNESCO về di sản thế giới trên toàn cầu nói chung, di sản thế giới ở Việt Nam nói riêng;  c) Thực hiện trách nhiệm là thành viên của Ủy ban Di sản Thế giới trong nhiệm kỳ được bầu và thành viên của tổ chức tư vấn của UNESCO về lĩnh vực di sản thế giới là Hội đồng quốc tế về Di tích và Di chỉ và Trung tâm nghiên cứu quốc tế về Bảo quản và Tu bổ tài sản văn hóa;  d) Chỉ đạo đơn vị trực tiếp quản lý, bảo vệ di sản thế giới thực hiện báo cáo định kỳ với UNESCO việc thực hiện Công ước về Bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới.  8. Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý và bảo vệ di sản thế giới; xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý và bảo vệ di sản thế giới. | Quy định trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện việc thống nhất quản lý nhà nước về di sản thế giới. |
| 21 | **Điều 21. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ**  1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:  a) Chỉ đạo tổ chức thực hiện việc quản lý nhà nước đối với lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp tại khu vực di sản thế giới và vùng đệm của khu vực di sản thế giới theo quy định tại pháp luật về di sản văn hóa, pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, pháp luật về thủy sản và pháp luật về đa dạng sinh học;  b) Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong việc thẩm định và hướng dẫn thực hiện quy hoạch tổng thể di sản thế giới trong trường hợp di sản thế giới có khu vực di sản thế giới và vùng đệm của khu vực di sản thế giới là một phần hoặc toàn bộ diện tích của rừng đặc dụng, khu bảo tồn biển.  2. Bộ Tài nguyên và Môi trường:  a) Chỉ đạo tổ chức thực hiện việc quản lý nhà nước đối với lĩnh vực môi trường, đa dạng sinh học, địa chất tại khu vực di sản thế giới và vùng đệm của khu vực di sản thế giới theo quy định tại pháp luật về di sản văn hóa, pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, pháp luật về thủy sản và pháp luật về đa dạng sinh học;  b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đánh giá môi trường chiến lược đối với các dự án triển khai trong khu vực di sản thế giới và vùng đệm của khu vực di sản thế giới theo quy định của pháp luật;  c) Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong việc thẩm định và hướng dẫn thực hiện quy hoạch tổng thể di sản thế giới trong trường hợp di sản thế giới có khu vực di sản thế giới và vùng đệm của khu vực di sản thế giới là một phần hoặc toàn bộ diện tích của khu bảo tồn thiên nhiên.  3. Bộ Xây dựng:  a) Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ, ngành liên quan ban hành các quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật dành riêng cho công tác bảo vệ di sản thế giới;  b) Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định quy hoạch tổng thể di sản thế giới.  4. Bộ Nội vụ:  Chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định Đề án thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị trực tiếp quản lý, bảo vệ di sản thế giới.  5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:  a) Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định quy hoạch tổng thể di sản thế giới, kế hoạch quản lý di sản thế giới;  b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính cân đối, xác định tổng mức đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện quy hoạch tổng thể trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể di sản thế giới;  c) Chủ trì, bố trí nguồn vốn cho việc quản lý, bảo vệ, bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di sản thế giới theo kế hoạch triển khai để thực hiện quy hoạch tổng thể di sản thế giới đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định tại các điểm k, l, m và n của Khoản 2 Điều 14 Nghị định này, phù hợp với quy định tại pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước.  6. Bộ Tài chính:  a) Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định quy hoạch tổng thể di sản thế giới, kế hoạch quản lý di sản thế giới;  b) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư cân đối, xác định tổng mức đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện quy hoạch tổng thể trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể di sản thế giới;  c) Bố trí nguồn vốn cho việc quản lý, bảo vệ, bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di sản thế giới theo kế hoạch triển khai để thực hiện quy hoạch tổng thể di sản thế giới đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định tại các điểm k, l, m và n của Khoản 2 Điều 14 Nghị định này, phù hợp với quy định tại pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước.  7. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện quản lý nhà nước về di sản thế giới theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa. | Quy định trách nhiệm của các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tài nguyên và Môi trường; Xây dựng; Nội vụ; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính và các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan khác trong việc quản lý, bảo vệ di sản thế giới. |
| 22 | **Điều** **22.** **Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**  1. Ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý và bảo vệ di sản thế giới trong phạm vi địa phương.  2. Tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch tổng thể, kế hoạch quản lý, quy chế quản lý, bảo vệ di sản thế giới theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ, ngành liên quan ở Trung ương.  3. Tổ chức xây dựng hồ sơ điều chỉnh khu vực di sản thế giới và vùng đệm của khu vực di sản thế giới để Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc đề nghị UNESCO xem xét, phê duyệt.  4. Tổ chức và chỉ đạo thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý và bảo vệ di sản thế giới.  5. Chủ động huy động các nguồn lực cho các dự án thành phần thuộc quy hoạch tổng thể, kế hoạch quản lý di sản thế giới.  6. Quyết định việc thành lập Quỹ bảo tồn di sản thế giới nhằm thu hút tài trợ và đóng góp của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 19 Nghị định này.  7. Chịu trách nhiệm về việc sử dụng các nguồn vốn đúng mục tiêu, đảm bảo hiệu quả và tránh thất thoát.  8. Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về di sản thế giới ở Trung ương và địa phương khác trong hoạt động tuyên truyền, quảng bá di sản thế giới.  9. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý những vướng mắc về chế độ, chính sách trong việc quản lý và bảo vệ di sản thế giới.  10. Định kỳ quý I hằng năm, gửi báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện quy hoạch tổng thể, kế hoạch quản lý di sản thế giới, đồng thời đề xuất kế hoạch triển khai tiếp theo của việc thực hiện quy hoạch tổng thể, kế hoạch quản lý di sản thế giới như quy định tại các điểm k, l, m và n Khoản 2 Điều 14 Nghị định này về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành khác có liên quan.  11. Chỉ đạo đơn vị trực tiếp quản lý, bảo vệ di sản thế giới và các cơ quan liên quan của tỉnh phối hợp thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước, gồm:  a) Nghiên cứu đề xuất tham mưu quy trình, quy phạm bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di sản thế giới;  b) Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý và bảo vệ di sản thế giới;  c) Phát hiện để kịp thời ngăn chặn, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền biện pháp xử lý đối các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện các hoạt động kinh tế - xã hội ở khu vực di sản thế giới và vùng đệm của khu vực di sản thế giới;  d) Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý và bảo vệ di sản thế giới.  12. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý toàn bộ di sản thế giới thuộc phạm vi địa phương mình. | Quy định về trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh - cơ quan chịu trách nhiệm quản lý toàn bộ di sản thế giới ở địa phương mình. |
| 23 | **Điều 23. Trách nhiệm của Ủy ban quốc gia UNESCO Việt Nam**  Thực hiện các nhiệm vụ do Thủ tướng Chính phủ giao và được quy định tại quyết định về việc kiện toàn Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam. | Quy định trách nhiệm của Ủy ban quốc gia UNESCO Việt Nam trong việc thực hiện các nhiệm vụ do Thủ tướng Chính phủ giao và được quy định tại quyết định về việc kiện toàn Ủy ban quốc gia UNESCO Việt Nam (hiện nay được quy định tại Quyết định số 194/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiện toàn Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam). |
| 24 | **Điều 24. Trách nhiệm của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia**  1. Tham mưu đề xuất với Thủ tướng Chính phủ những vấn đề khoa học về di sản thế giới liên quan đến những dự án lớn thuộc quy hoạch tổng thể di sản thế giới được thực hiện trong khu vực di sản thế giới và vùng đệm của khu vực di sản thế giới khi Thủ tướng Chính phủ yêu cầu hoặc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị hoặc khi Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia thấy cần kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ.  2. Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan về di sản thế giới theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia. | Quy định trách nhiệm của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia (trên cơ sở tiếp thu nội dung quy định tại Quyết định số 1569/QĐ-TTg ngày 19/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia). |
|  | CHƯƠNG IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH** | Chương này gồm 03 điều, từ Điều 25 đến Điều 27 quy định về điều khoản chuyển tiếp đối với đơn vị trực tiếp quản lý, bảo vệ di sản thế giới mà không trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì trong thời hạn 05 năm phải được nâng cấp lên trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.  - Quy định hiệu lực thi hành; trách nhiệm thi hành Nghị định. |
| 25 | **Điều 25. Điều khoản chuyển tiếp**  Các đơn vị trực tiếp quản lý, bảo vệ di sản thế giới được thành lập trước ngày Nghị định này có hiệu lực mà không trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải xây dựng Đề án tổ chức lại trình cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định trong thời hạn 5 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực. | Quy định điều khoản chuyển tiếp đối với các đơn vị trực tiếp quản lý, bảo vệ di sản thế giới (trường hợp Vịnh Hạ Long, Thành Nhà Hồ, Khu Phố cổ Hội An, Khu Di tích Mỹ Sơn), là những đơn vị hiện nay không trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải xây dựng Đề án tổ chức lại trình cơ quan hoặc người có thẩm quyền quyết định trong thời hạn 5 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực. |
| 26 | **Điều 26. Hiệu lực thi hành**  Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2016. | Quy định hiệu lực thi hành của Nghị định. |
| 27 | **Điều** 27**.** **Trách nhiệm thi hành**  1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:  a) Thống nhất quản lý nhà nước về những nội dung thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này;  b) Hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện các quy định của Nghị định này.  2. Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban quốc gia UNESCO Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có hoạt động trực tiếp hoặc liên quan đến quản lý và bảo vệ di sản thế giới ở Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này. | Quy định trách nhiệm thi hành Nghị định. Chính phủ giao trách nhiệm cho các Bộ, ngành, Chủ tịch Ủy ban quốc gia UNESCO Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các tổ chức, cá nhân thực hiện các quy định của Nghị định này. |

**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**